



1165 Series

AMR/AGV-6 BÁNH XE CÀNG XOAY THÉP CƯỜNG LỰC- BÁNH ĐÔI(TẢI VỪA/NHẸ)

AMR/AGV-6 強化美國輪-雙輪系列(中輕型)

- Càng bánh được làm bằng thép cường lực cứng, cùng với ổ lăn bi được xử lý nhiệt và ổ bi chính xác, giúp tăng khả năng tải trọng và kéo dài tuổi thọ sử dụng của bánh xe, càng xe xoay chuyển linh hoạt, đồng thời vẫn đảm bảo yêu cầu về trọng tâm thấp, diện tích tiếp xúc của bề mặt bánh xe lên mặt đất lớn hoặc kết cấu bánh xe đôi, hỗ trợ lực đỡ ổn định hơn và thời gian sử dụng lâu dài hơn, thích hợp sử dụng cho AMR/AGV.
- 腳架采用高鋼性板材,配合熱處理珠道及高精度滾珠來達到極高的荷重與長時間的使用壽命,腳架旋轉靈活,同時確保低重心需求,輪面接觸地面大或雙輪結構,受力支撐更平穩使用更持久,適用於AMR/AGV(無人車)使用。

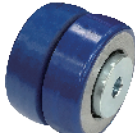
Tải trọng
載重
50 - 500 kg



» Vật liệu bánh xe 輪 子 選 項



Bánh Resolute (Bánh xe đôi)
全效雙輪



Bánh ZQPU
ZQPU輪



Bánh ZQPU (Chống tĩnh điện)
ZQPU輪(抗靜電)



Bánh xe King Kong
尼龍輪



Bánh xe King Kong
金剛輪



Bánh QPU lõi nhôm
鋁芯AQPU輪



Bánh QPU
QPU輪



Bánh EQPU
EQPU輪



Ổ bi
滾珠軸承

*Có các loại bánh xe chống tĩnh điện khác, quý khách có nhu cầu vui lòng liên hệ xưởng sản xuất

*有其它抗靜電輪可供選擇, 如有需求請聯絡工廠

» Quy cách tấm lắp 底板 規 格

Số thứ tự 編號	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
1	85 x 105 mm (3-5/16" x 4-1/8")	60 x 80 mm 2-3/8"x3-1/4"(European Plate)	8 mm (5/16")
2	95 x 65 mm (3-3/4" x 2-1/2")	75 x 45 mm (3" x 1-3/4")	8 mm (5/16")
3	100 x 115 mm (3-7/8" x 4-1/2")	75 x 80 mm (3" x 3-1/4")	10 mm (3/8")



 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車			
50mm x 45mm (2" x 1-3/4")	200kgs (440lbs)	Bánh xe King Kong 尼龍輪	—	1165-02-07-2(6)	—	Ổ bi 滾珠軸承	74mm (2-7/8")	48mm (1-7/8")
	250kgs (551lbs)	Bánh xe King Kong 金剛輪	—	1165-02-100-2(6)	—			
50mm x 20mm(41.5) (2" x 3/4")	70kgs (154lbs)	Bánh ZQPU ZQPU輪	—	1165-02-101-2(6)	—			
	70kgs (154lbs)	Bánh ZQPU (Chống tĩnh điện) ZQPU輪(抗靜電)	—	1165-02-101-2(6)	—			
50mm x 22.5mm (2" x 7/8")	60kgs (132lbs)	Bánh Resolute (Bánh xe đôi) 全效雙輪	—	1165-02-68-2(6)	—			
50mm x 45mm (2" x 1-3/4")	200kgs (440lbs)	Bánh xe King Kong 尼龍輪	—	1165-02-07-2(6)	—	Ổ bi 滾珠軸承	83.5mm (3-1/4")	56mm (2-1/4")
	250kgs (551lbs)	Bánh xe King Kong 金剛輪	—	1165-02-100-2(6)	—			
50mm x 20mm(41.5) (2" x 3/4")	70kgs (154lbs)	Bánh ZQPU ZQPU輪	—	1165-02-101-2(6)	—			
	70kgs (154lbs)	Bánh ZQPU (Chống tĩnh điện) ZQPU輪(抗靜電)	—	1165-02-101-2(6)	—			
50mm x 22.5mm (2" x 7/8")	60kgs (132lbs)	Bánh Resolute (Bánh xe đôi) 全效雙輪	—	1165-02-68-2(6)	—			
62.5mm x 45mm (2.5" x 1-3/4")	250kgs (551lbs)	Bánh xe King Kong 尼龍輪	—	1165-25-07-2(6)	—	Ổ bi 滾珠軸承	90mm (3-1/2")	60mm (3-5/8")
	450kgs (992lbs)	Bánh xe King Kong 金剛輪	—	1165-25-100-2(6)	—			
62.5mm x 20mm(41.5) (2.5" x 3/4")	250kgs (551lbs)	Bánh ZQPU ZQPU輪	—	1165-25-101-2(6)	—			
	200kgs (440lbs)	Bánh ZQPU (Chống tĩnh điện) ZQPU輪(抗靜電)	—	1165-25-101-2(6)	—			
62.5mm x 45mm (2.5" x 1-3/4")	250kgs (551lbs)	Bánh xe King Kong 尼龍輪	—	1165-25-07-2(6)	—	Ổ bi 滾珠軸承	96mm (3-3/4")	68.5mm (2-3/4")
	450kgs (992lbs)	Bánh xe King Kong 金剛輪	—	1165-25-100-2(6)	—			
62.5mm x 20mm(41.5) (2.5" x 3/4")	250kgs (551lbs)	Bánh ZQPU ZQPU輪	—	1165-25-101-2(6)	—			
	200kgs (440lbs)	Bánh ZQPU (Chống tĩnh điện) ZQPU輪(抗靜電)	—	1165-25-101-2(6)	—			
75mm x 45mm (3" x 1-3/4")	300kgs (661lbs)	Bánh xe King Kong 尼龍輪	—	1165-03-07-2(6)	—	Ổ bi 滾珠軸承	102.5mm (4")	75mm (3")
	500kgs (1102lbs)	Bánh xe King Kong 金剛輪	—	1165-03-100-2(6)	—			
75mm x 20mm(41.5) (3" x 3/4")	300kgs (661lbs)	Bánh ZQPU ZQPU輪	—	1165-03-101-2(6)	—			
	250kgs (551lbs)	Bánh ZQPU (Chống tĩnh điện) ZQPU輪(抗靜電)	—	1165-03-101-2(6)	—			
100mm x 34mm (4" x 1-3/8")	300kgs (661lbs)	Bánh QPU lõi nhôm 鋁芯AQPU輪	—	1165-04-87-2(6)	—	Ổ bi 滾珠軸承	130mm (5-1/8")	90mm (3-1/2")
100mm x 40mm (4" x 1-5/8")	350kgs (770lbs)	Bánh QPU lõi nhôm 鋁芯AQPU輪	—	1165-04-87-2(6)	—			
100mm x 20mm(41.5) (4" x 3/4")	300kgs (661lbs)	Bánh ZQPU ZQPU輪	—	1165-04-101-2(6)	—			
	250kgs (551lbs)	Bánh ZQPU (Chống tĩnh điện) ZQPU輪(抗靜電)	—	1165-04-101-2(6)	—			
125mm x 40mm (5" x 1-5/8")	350kgs (770lbs)	Bánh QPU lõi nhôm 鋁芯AQPU輪	—	1165-03-87-2(6)	—	Ổ bi 滾珠軸承	155mm (6-1/8")	103mm (4")
	300kgs (661lbs)	Bánh EQPU EQPU輪	—	1165-03-81-2(6)	—			
100mm x 20mm(41.5) (4" x 3/4")	300kgs (661lbs)	Bánh ZQPU ZQPU輪	—	1165-05-101-2(6)	—	Ổ bi 滾珠軸承	142.5mm (5-5/8")	90mm (3-1/2")
	250kgs (551lbs)	Bánh ZQPU (Chống tĩnh điện) ZQPU輪(抗靜電)	—	1165-05-101-2(6)	—			
150mm x 42mm (6" x 1-5/8")	400kgs (880lbs)	Bánh QPU lõi nhôm 鋁芯AQPU輪	—	1165-06-87-2(6)	—	Ổ bi 滾珠軸承	188mm (7-3/8")	115mm (4-1/2")
	400kgs (880lbs)	Bánh EQPU EQPU輪	—	1165-06-81-2(6)	—			
	400kgs (880lbs)	Bánh QPU QPU輪	—	1165-06-80-2(6)	—			

*Tải trọng được kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn ISO *荷重皆根據ISO測試標準制定